TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1456/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh, về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn M.T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 86/2 đường K, phường H, thành phố Thủ Đức (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê N.G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm Đ, phường T, thị xã M (nay là phường Y), Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau (nay là phường An Xuyên), tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2013, Quyển số 01/2013, ngày 06/9/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G là hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc, sau đó vợ chồng sông ly thân cho đến nay. Nay, bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông, bà thuận tình ly hôn.

Xét thấy, giữa bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê N.N.T, sinh ngày 27/6/2014 và Lê N.H.N, sinh ngày 13/4/2020. Bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G thỏa thuận giao Lê N.N.T cho ông Lê N.G trực tiếp nuôi dưỡng, giao Lê N.H.N cho bà Nguyễn M.T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G khai không có.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh cũ đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để có cơ sở giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2013, Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau (nay là phường An Xuyên), tỉnh Cà Mau cấp cho bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê N.N.T, sinh ngày 27/6/2014 và Lê N.H.N, sinh ngày 13/4/2020. Giao Lê N.N.T cho ông Lê N.G trực tiếp nuôi dưỡng, giao Lê N.H.N cho bà Nguyễn M.T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: Mỗi người phải nộp 150.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000420 ngày 06/6/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn M.T và ông Lê N.G đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vi Na